

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2020/HS-ST
Ngày: 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Ông Huỳnh Thế Cần

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 110/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2020/QĐXXST-HS ngày 24/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 278/2020/HSST-QĐ ngày 10/4/2020 đối với bị cáo:

Lê Thị Kim T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1988, tại: Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ (Đảng phái, đoàn thể): Không; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1960 (còn sống) và bà Lê Thị K, sinh năm 1960 (còn sống); Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 07 (Bảy) anh chị em; Bị cáo sống chung như vợ chồng với anh Hồ Ngọc V, sinh năm 1983 và có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 30/11/2018, đến ngày 08/12/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, sau đó bị cáo bỏ trốn. Bị bắt truy nã ngày 09/12/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 06 ngày 12/12/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B. (Có mặt).

* Người bị hại: Anh Lê Văn N, sinh năm 1998

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp 5, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đinh Thị Thu H, sinh năm 1977

Địa chỉ: 4/3, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Minh C có mối quan hệ quen biết với anh Lê Văn N. Khoảng 11 giờ 40 phút, ngày 28/11/2018, anh N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 95B1-469.92 chở C đến phòng trọ của Lê Thị Kim T chơi và sử dụng trái phép chất ma túy. Tại đây, C hỏi mượn anh N chiếc xe mô tô biển số 95B1-496.92 để chở T đi công việc thì anh N đồng ý. Trên đường đi, C bàn với T đem xe của anh N đi cầm lấy tiền mua ma túy sử dụng thì T đồng ý. C chở T đến gặp chị Đinh Thị Thu H để cầm xe mô tô biển số 95B1-469.92 cho chị H với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). C đưa cho T 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) để trả nợ, rồi cả hai thuê xe ôm đi đến khu vực khu phố 8, phường T, thành phố B mua ma túy của một đối tượng (không rõ họ tên, địa chỉ). Sau đó, C và T thuê xe ôm chở đến nhà nghỉ “Thắng Thu”, thuộc phường T, thành phố B thuê phòng để sử dụng ma túy và chơi game bắn cá hết. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, C nói T đến gặp chị H cầm thêm số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nữa và tiêu xài hết. Dạo lâu không thấy C đem xe về trả, anh N đã đi tìm. Đến khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 29/11/2018, anh N thấy chị H điều khiển xe mô tô biển số 95B1-469.92 của mình tại ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai nên đã giữ xe lại báo Công an xã T, huyện V rồi chuyển Công an phường T lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển tới Công an thành phố B để điều tra, xử lý. Qua điều tra ngày 07/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Vũ Minh C, Lê Thị Kim T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo Lê Thị Kim T được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/12/2018, sau đó bị cáo bỏ trốn. Ngày 09/12/2019, bị cáo bị bắt truy nã và chuyển tạm giam. Quá trình làm việc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản kết luận định giá tài sản số 455/TCKH-HĐĐG ngày 13/12/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố B đã kết luận: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 95B1- 469.92 có giá trị định giá là 18.306.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn N Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh Lê Văn N; 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 95B1-469.92 qua xác minh là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Mỹ D cho Lê Văn N mượn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi trả lại cho chị D.

Về dân sự: Anh Lê Văn N đã nhận lại xe nên không yêu cầu bồi thường, còn chị Đinh Thị Thu H yêu cầu bị cáo Lê Thị Kim T phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 137/CT-VKSBH ngày 03/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lê Thị Kim T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Kim T mức án tù 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù giam.

Đối với Vũ Minh C đã bỏ trốn hiện đang bị truy nã, khi nào bắt được C sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Minh C, Lê Thị Kim T, Lê Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử phạt hành chính.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết lỗi và rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng trong hồ sơ vụ án: Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người tham gia tố tụng khác và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Kim T khai nhận: Vào ngày 28/11/2018, Vũ Minh C và Lê Thị Kim T đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius , biển số 95B1-469.92, có trị giá 18.306.000 đồng (Mười tám triệu ba trăm lẻ sáu nghìn đồng) của anh Lê Văn N. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như nội dung bản cáo trạng số 137/CT-VKSBH ngày 03/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, nhưng vì ham chơi bị cáo không tìm việc làm chính đáng để nuôi sống bản thân mà đi vào con đường phạm tội để có tiền tiêu xài. Quá trình điều tra, bị cáo được cho tại ngoại nhưng bị cáo lại bỏ trốn, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xử lý. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một

mức án nghiêm khắc nhằm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: không có;

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi lượng hình phạt, xét thấy bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình.

Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt T từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ và lời khai tại phiên tòa của bị cáo cho thấy bị cáo không có thu nhập và không có tài sản nào khác. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt T đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn N đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Chị Đinh Thị Thu H yêu cầu bị cáo Lê Thị Kim T phải bồi thường số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện đồng ý bồi thường cho chị H số T 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 (Một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Văn N Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho anh Lê Văn N; 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 95B1-469.92 qua xác minh là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Mỹ D cho Lê Văn N mượn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi trả lại cho chị D là phù hợp.

Đối với Vũ Minh C đã bỏ trốn hiện đang bị truy nã, khi nào bắt được C sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vũ Minh C, Lê Thị Kim T, Lê Văn N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã xử phạt hành chính là phù hợp.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo **Lê Thị Kim T** phạm tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim T: **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù giam**. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/12/2019, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ trước đó từ ngày 30/11/2018 đến ngày 08/12/2018.

Áp dụng khoản 2 Điều 468; Điều 584; Điều 585 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Thị Kim T phải bồi thường cho cho chị Đinh Thị Thu H số T 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bị cáo T có quyền khởi kiện đối với Vũ Minh C bằng một vụ án Dân sự khác khi có yêu cầu.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số T trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản T lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số T và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai (1);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B (2);
- Công an TP.B (2);
- Thi hành án hình sự (5);
- Bị cáo đương sự (3);
- Lưu VP - Hồ sơ vụ án (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hoàng Phương